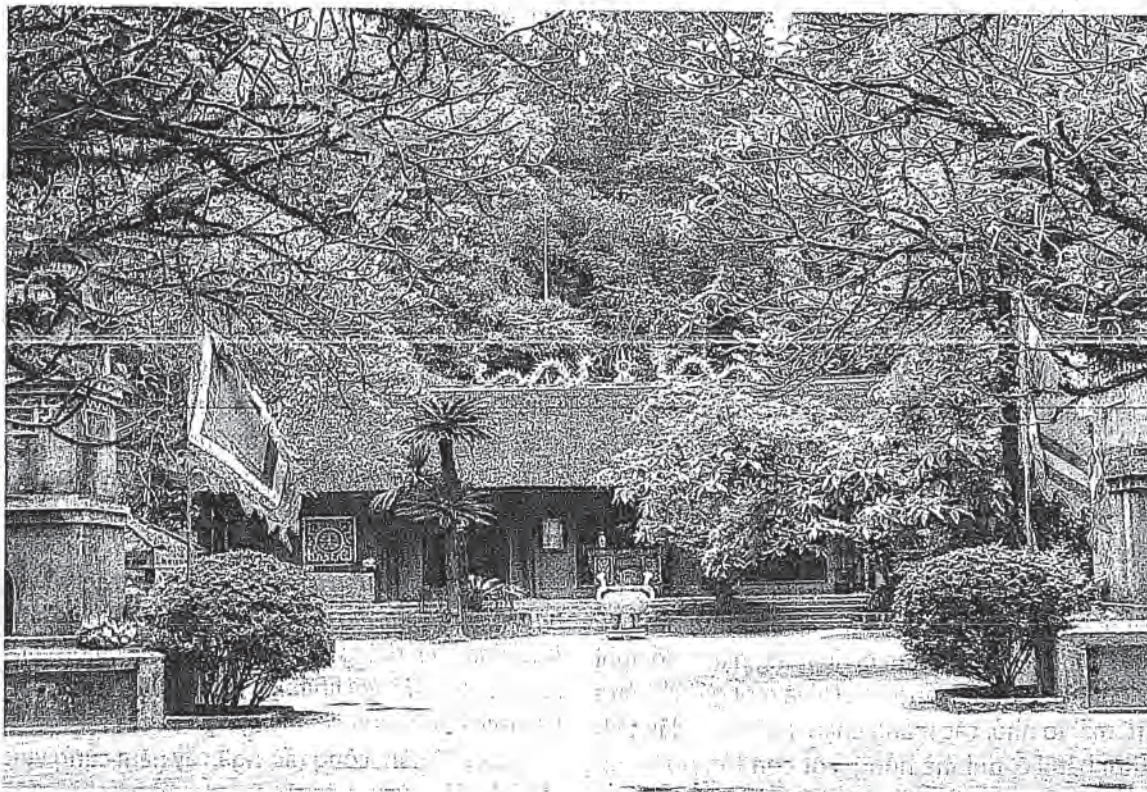


## TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG VỚI VIỆC HÌNH THÀNH BẢN SẮC DÂN TỘC

PGS. TS. ĐẶNG VĂN BÀI\*



Chùa Thiên Quang, núi Hoi Cương, Phú Thọ - Ảnh: Quốc Vụ

**T**rong lĩnh vực văn hóa, sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng là một trong những vấn đề được rất nhiều nhà khoa học trong nước và quốc tế quan tâm. Bởi vì, giữa tôn giáo - tín ngưỡng và bản sắc văn hóa dân tộc có mối quan hệ tương tác hữu cơ. Tôn giáo - tín ngưỡng một mặt là sự biểu hiện sắc thái của bản sắc văn hóa, mặt khác lại là yếu tố góp phần củng cố, vun đắp cho bản sắc văn hóa dân tộc. Khi nhìn vào phương thức sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng mà cụ thể là các nghi thức tín ngưỡng và lễ hội truyền

thống, chúng ta có thể nhận biết được sắc thái địa phương và sự khác biệt về văn hóa giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Là học giả nước ngoài đến Việt Nam không lâu nhưng ấn tượng sâu sắc để lại cho G. Dumontier là không khí lễ hội sôi động ở châu thổ Bắc bộ. Ông rất xác đáng khi đưa ra nhận xét: "không phải là một sự kinh ngạc nhỏ khi thấy rằng, bộ mặt tẻ nhạt của người dân Bắc kỳ, vốn vô vị như thế lại có thể biến đổi đến mức nào dưới ấn tượng của ý tưởng tôn giáo cho đến mức thấm đượm tính cách cao quý thật sự, khi thấy rằng, cử chỉ vốn rụt rè của anh ta trở nên rộng lớn biết bao, khi thấy rằng, toàn bộ dáng

\* Hội Di sản văn hóa Việt Nam



điều của anh ta trở nên cao quý trong việc thi hành sự thờ phụng hoàn toàn phi tôn giáo, được tạo lập do sự nhớ ơn, gắn bó với lòng yêu nước và sự kính sợ thiêng liêng"<sup>1</sup>.

Nhận xét sắc xảo của G. Dumontier gợi cho chúng ta thấy, muốn hiểu rõ bản chất của tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, rất cần làm rõ mối quan hệ giữa bản sắc văn hóa dân tộc với các hoạt động tôn giáo - tín ngưỡng và cơ chế tác động qua lại giữa chúng để hình thành và củng cố hệ giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam.

1- Bản sắc văn hóa dân tộc được nhìn nhận như là yếu tố nổi trội, thể hiện những khuynh hướng phẩm chất, bản lĩnh và thái độ ứng xử văn hóa của từng cá nhân, cộng đồng và toàn thể quốc gia dân tộc trong quá trình sáng tạo văn hóa từ quá khứ và hiện tại.

Các nhà khoa học tương đối thống nhất là, trong quá trình sáng tạo văn hóa hàng ngàn năm qua, phẩm chất, bản lĩnh văn hóa Việt Nam được hun đúc, bồi đắp qua nhiều thế hệ và đã đủ sức mạnh tinh thần và vật chất để vượt qua những thử thách cam go do các điều kiện tự nhiên và lịch sử đặt ra.

*Thứ nhất*, người Việt cư trú ở vùng Đông Nam Á với điều kiện khí hậu nhiệt đới, gió mùa, nóng ẩm, mưa bão, lũ lụt, hạn hán thường xuyên, nếu không có bản lĩnh và phẩm chất thích hợp, không tạo lập được sức mạnh liên kết cộng đồng, chắc chắn không thể trụ vững và sáng tạo được nền văn minh trồng lúa nước, mà thành tựu văn hóa biểu hiện rõ nét qua hệ thống đê biển, đê sông ở miền Bắc, hệ thống kênh rạch chằng chịt ở Nam bộ, cũng như hệ thống đô thị và các khu cư dân trong cả nước, đặc biệt là hệ thống các thiết chế tôn giáo - tín ngưỡng (đình, đền, chùa, miếu...) thờ thần, thờ Phật ở các làng xã, mà một điển hình là hệ thống đình, đền thờ cúng Hùng Vương ở tỉnh Phú Thọ.

*Thứ hai*, từ hàng ngàn năm nay, người Việt luôn tâm niệm: nhờ "ý chí sắt đá", quyết tâm giữ gìn chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và nền độc lập tự chủ của quốc gia dân tộc, cha ông chúng ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lịch sử, giành những thắng lợi vẻ vang trong các cuộc chiến tranh vệ quốc chống lại những thế lực ngoại bang. Trong cuốn tiểu luận viết bằng tiếng Pháp vào những năm 1922 - 1932 của thế kỷ trước, học giả Phạm Quỳnh cũng đã nhận xét khá tinh tế về

hiện tượng lịch sử độc đáo của dân tộc, đại ý là: các thế lực ngoại xâm đến Việt Nam trước sau cũng bị đánh bại, những người ở lại sẽ phải hòa nhập với người Việt hoặc tồn tại như những ngoại kiều. Đó cũng là mặt biểu hiện cụ thể cho sức mạnh và bản lĩnh văn hóa của Việt Nam.

*Thứ ba*, trên cơ tầng văn hóa Đông Nam Á, với đỉnh cao văn hóa Đông Sơn, người Việt Nam đã thực hiện thành công quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa với các nền văn hóa lớn của thế giới như: Ấn Độ, Trung Hoa, Pháp, Nga, Mỹ...

Thực tế lịch sử cho thấy, phẩm chất, bản lĩnh văn hóa là yếu tố làm nên bản sắc văn hóa cũng như sự khác biệt văn hóa giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Bài học cụ thể là, trong những ngày này, cả thế giới phải nghiêng mình kính phục trước bản lĩnh kiên cường, tinh thần đoàn kết và tính kỷ luật cao của người Nhật trước những tổn thất khổng lồ về nhân mạng và cơ sở vật chất xảy ra sau trận "siêu động đất" ngày 11 tháng 3 năm 2011. Phải chăng, tinh đoàn kết cộng đồng xã hội, ý thức đạo đức công dân của người Nhật đã có nguồn gốc sâu xa và được hun đúc, củng cố từ bản sắc văn hóa của họ, trong đó có tinh thần của Thần đạo (thờ nữ thần mặt trời) và võ sĩ đạo rất đặc sắc của Nhật Bản.

Tương tự như vậy, chúng ta có quyền tự hào nói rằng, phẩm chất, bản lĩnh văn hóa Việt Nam, trong chừng mực nào đó, cũng bắt rễ từ ý thức cội nguồn, tổ tiên, nòi giống, đạo lý "uống nước nhớ nguồn" và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương - nét văn hóa đặc sắc của Việt Nam.

2- Các nhà khoa học còn xem xét bản sắc văn hóa dân tộc từ hệ thống các giá trị văn hóa truyền thống, trong đó tiêu biểu là quan niệm về văn hóa của ông Federico, nguyên Tổng Giám đốc UNESCO: "Văn hóa phản ánh và thể hiện một cách tổng quát và sống động mọi mặt của cuộc sống (của mỗi cá nhân và cộng đồng) đã diễn ra trong quá khứ cũng như đang diễn ra trong hiện tại, qua bao thế kỷ, nó phản ánh một hệ thống các giá trị truyền thống, thẩm mỹ và lối sống mà dựa trên cơ sở đó, từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình". Theo ông thì yếu tố quyết định làm nên bản sắc văn hóa của một dân tộc, làm cho nó không giống các quốc gia, dân tộc khác chính là hệ thống các giá trị văn hóa truyền thống. Điều đó cũng có nghĩa là, chúng ta phải tiếp cận bản sắc văn hóa Việt Nam nói chung và



tín ngưỡng thờ Hùng Vương ở Phú Thọ nói riêng trên cơ sở một hệ thống giá trị văn hóa mang tính tổng thể mà không chỉ so sánh những giá trị đơn lẻ và tách biệt, đồng thời còn phải xem xét hệ thống các giá trị văn hóa truyền thống đó ở cả hai mặt: văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể.

Vậy giá trị là gì? Chúng tôi rất tâm đắc với quan niệm về giá trị của giáo sư, tiến sĩ Ngô Đức Thịnh khi ông viết: "Giá trị là quan niệm về cái có ý nghĩa, được cộng đồng lựa chọn, cùng chia sẻ và tôn vinh. Đối với mỗi thành viên trong nhóm, giá trị là cái đáng ao ước, cần phải ao ước và khi đạt được sẽ bùng nổ sự thăng hoa tinh thần" hoặc "giá trị của đối tượng là sự đánh giá của cộng đồng về đối tượng đó, thường được biểu hiện ra như một sự kiện xã hội - văn hóa, nên giá trị là cái có thể miêu tả một cách khách quan"<sup>2</sup>.

Quan niệm về giá trị vừa nêu ở trên là rất phù hợp để chúng ta vận dụng vào việc đánh giá và khẳng định nét đặc sắc trong tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ. Các học giả Việt Nam, như Đào Duy Anh, Trần Văn Giàu, Trần Quốc Vương, Phan Huy Lê... thông qua các công trình nghiên cứu chuyên sâu cũng đưa ra một số mô hình khác nhau về hệ thống giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam. Các học giả đó đã đề xuất 5, 6 hoặc 7 tiêu chí hay các mặt giá trị khác nhau nhưng đều thống nhất ở một nội dung là đề cao chủ nghĩa yêu nước và coi chủ nghĩa yêu nước là "cái trục chính của ý thức hệ Việt Nam, nó sản sinh và tích hợp các giá trị tiêu biểu của văn hóa Việt Nam"<sup>3</sup>.

Với quan điểm tiếp cận bản sắc văn hóa dân tộc từ hệ thống các giá trị văn hóa truyền thống, Đảng và Nhà nước ta cũng xác định rõ: "Bản sắc văn hóa bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý thức tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống"<sup>4</sup>.

Nếu hiểu bản sắc văn hóa dân tộc là hệ thống các giá trị văn hóa truyền thống, thì đó nhất định phải là những "giá trị gốc" mang tính bản địa, cốt lõi và tiêu biểu nhất. Vì bản sắc văn hóa dân tộc là

kết tinh của những giá trị hạt nhân tiêu biểu nhất, nên nó không nhất thành bất biến, mà cần được liên tục bồi đắp qua nhiều thế hệ, phải thay đổi và bổ sung, tích hợp nhiều lớp văn hóa trong quá trình hình thành, phát triển, giao lưu và tiếp biến văn hóa trong phạm vi quốc gia cũng như cộng đồng quốc tế.

Một khi khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc là những giá trị hạt nhân, cũng có nghĩa chúng ta phải coi trọng việc bảo tồn, tái tạo, bổ sung và trao truyền cho nhiều thế hệ kế tiếp nhau. Phương thức kế thừa và phát triển sẽ là: lựa chọn, giữ lại cái tốt đẹp, cái tích cực, gạt bỏ cái xấu, cái tiêu cực không còn phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại, đồng thời tiếp thu có chọn lọc và tích hợp những tinh hoa văn hóa của nhân loại trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

3- Chúng ta có thể nhận diện trong di sản văn hóa những giá trị văn hóa truyền thống (giá trị vật thể và phi vật thể), những bằng chứng vật chất - biểu hiện cụ thể nhất, dễ nhận biết nhất về bản sắc văn hóa dân tộc. Trong lý thuyết bảo tàng học hiện đại, người ta cũng khẳng định những giá trị căn bản nhất của di sản văn hóa trong đời sống xã hội hiện đại ở các khía cạnh sau:

- Di sản văn hóa được nhìn nhận như là một loại tài sản quý giá nhất của đất nước, là bộ phận cấu thành môi trường sống của con người.

- Di sản văn hóa đóng vai trò to lớn trong việc giáo dục lòng yêu nước, lòng tự tôn dân tộc (yếu tố quan trọng hàng đầu trong bằng giá trị văn hóa Việt Nam) và do đó, nó cũng thực hiện chức năng vun bồi nhân cách và điều chỉnh hành vi của con người và cộng đồng hướng tới chân - thiện - mỹ - 3 trụ cột của giá trị văn hóa.

- Di sản văn hóa là cơ sở vật chất, phương tiện hữu hiệu phục vụ nhu cầu đối thoại, giao lưu và tiếp biến văn hóa, giúp cho các quốc gia, dân tộc trên thế giới hiểu biết lẫn nhau, xích lại gần nhau hơn và được sống trong tinh thần thương yêu đồng loại, khoan dung văn hóa để cùng nhau từng bước đẩy lùi và ngăn chặn xung đột vũ trang và thảm họa chiến tranh hủy diệt sự sống của con người.

- Di sản văn hóa còn được xem xét với tư cách là loại tiềm năng, tài nguyên du lịch đặc biệt, đóng vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển du lịch - "một ngành công nghiệp không khói", có khả năng xuất khẩu tại chỗ và mang lại lợi ích vật



chất và tinh thần cho cộng đồng cư dân ở những địa phương có di sản văn hóa.

Theo số liệu của Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ở Việt Nam có tới trên 40 ngàn di tích lịch sử - văn hóa được thống kê trong quá trình kiểm kê di tích ở các địa phương. Cho đến thời điểm hiện tại, đã có 3173 di tích quốc gia, 10 di tích quốc gia đặc biệt, 6 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Trong số đó, 2260 di tích gắn liền với các hoạt động tôn giáo - tín ngưỡng (đình, đền, miếu, chùa...). Tài liệu điều tra điển dã của Viện Văn hóa - Nghệ thuật Việt Nam cho thấy, ở 29 xã thuộc 12 huyện, thị trên tổng số 29 huyện, thị của tỉnh Phú Thọ có đình, đền thờ Hùng Vương. Trên địa bàn 29 xã xung quanh khu vực đền Hùng có tới 46 di tích thờ Hùng Vương, chứng tỏ mật độ phân bố di tích là rất đậm đặc, trong đó tiêu biểu nhất vẫn là khu di tích đền Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh. So sánh số liệu thống kê cũng cho thấy, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương có ý nghĩa quan trọng như thế nào trong đời sống xã hội của cộng đồng cư dân ở tỉnh Phú Thọ.

Tương tự như các di tích lịch sử - văn hóa khác có liên quan tới hoạt động tôn giáo - tín ngưỡng, các di tích thờ Hùng Vương cũng hàm chứa các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.

- Các công trình kiến trúc gắn với nơi thờ tự;
- Các nghi thức thiêng liêng, lễ hội văn hóa truyền thống diễn ra ở di tích, phong tục tập quán của cư dân địa phương liên quan tới di tích;
- Huyền thoại, truyền thuyết, thần phả, thần tích, sắc phong liên quan tới các vị thần được thờ;
- Đồ cúng, tế lễ bên trong ngôi đền thờ cũng như lễ vật dâng cúng trong dịp lễ hội.

Xét trên tổng thể, những hiện tượng văn hóa, phương thức sinh hoạt văn hóa trong các thiết chế tôn giáo tín ngưỡng ở các vùng/miền là không hoàn toàn giống nhau. Đó là cái làm nên sắc thái văn hóa địa phương và cũng là yếu tố cấu thành bản sắc văn hóa Việt Nam.

4- Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là sự "bùng nở" và sự "thăng hoa" của tín ngưỡng thờ tổ tiên hay "tôn giáo thờ người đã khuất" của Việt Nam. Vậy thì, cơ chế văn hóa nào đã được thực hành hàng ngàn năm nay làm cho tín ngưỡng thờ tổ tiên nói chung và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương nói riêng có thể vun đắp, đóng góp vào việc duy trì và thăng hoa bản sắc văn hóa Việt?

Phải chăng, tín ngưỡng thờ tổ tiên (trong đó có tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương) là một trong những yếu tố quan trọng có khả năng tạo ra sự liên kết vững chắc và củng cố "3 nhân tố văn hóa cơ bản" của Việt Nam là, gia đình - làng xã - đất nước hay Tổ quốc.

4.1- Tín ngưỡng thờ tổ tiên bắt nguồn từ quan niệm của người phương Đông nói chung và người Việt nói riêng về các thần linh (các lực lượng siêu nhiên) và các linh hồn bất diệt của những người đã khuất, mà gắn gũi nhất với chúng ta là ông bà, cha mẹ, chú bác, anh chị em trong cùng một dòng họ/huyết thống. Theo đó, con người chết đi chỉ có "thể xác" - thân xác là tan biến, còn "phần hồn" được tách ra, tiếp tục tồn tại trong thế giới siêu linh. Do đó, tín ngưỡng thờ tổ tiên do con người "sáng tạo" ra là nhằm thực hiện việc thiết lập mối quan hệ mật thiết giữa những người đang sống và những người đã mất trong cùng một cộng đồng. Thông qua tín ngưỡng thờ tổ tiên, những người đã mất tiếp tục "tồn tại" trong ký ức của những người còn sống và được linh thiêng hóa qua các nghi thức tín ngưỡng do những người đang sống thực hành thường xuyên hoặc định kỳ trong đời sống của họ. Và, cũng bằng phương thức đó, quá khứ được hòa quyện với hiện tại và cùng con người bước vào tương lai. Có thể nói, tín ngưỡng thờ tổ tiên góp phần xây dựng nên nhân cách và đặt ra tiêu chí đánh giá nhân cách của người Việt Nam "làm con hiếu thuận, là vợ chồng thủy chung, hòa thuận, kính trên nhường dưới và hết lòng thờ cúng tổ tiên". Đó cũng chính là cái làm nên đạo hiếu nghĩa, chữ hiếu thảo trong tâm thức người Việt. Trong tiểu luận của mình, phần viết về tục thờ cúng tổ tiên, học giả Phạm Quỳnh đã khái quát hóa rất chính xác bản chất của hình thức tín ngưỡng độc đáo ở Việt Nam như là phương cách chính thức biểu hiện "mối quan hệ giữa thế giới những người đang sống với thế giới những người đã chết. Các mối quan hệ ấy rất nhiều và liên tục, những người chết thường xuyên can dự vào cuộc sống của những người đang sống; họ hướng dẫn, chỉ đạo, che chở cho chúng ta, bảo hộ chúng ta, gọi hướng cho những ý tưởng và hành vi của chúng ta..."<sup>5</sup>. Như vậy, thông qua tín ngưỡng thờ tổ tiên, những người đang sống tìm thấy lợi ích thiết thực về nhiều mặt:

- Có chỗ dựa về mặt tinh thần, được che chở,



bảo hộ để đủ sức mạnh và lòng dũng cảm, kiên cường vượt qua những hiểm họa thiên tai, địch họa (cái mà chúng ta quen gọi chung là thủy, hỏa, đạo tặc) cũng như nhiều rủi ro khác trong đời sống thường nhật. Đó chính là đức tin vào "cái linh thiêng" - hạt nhân đời sống tâm linh của người Việt.

- Những nghi thức thiêng liêng cũng như những vật phẩm dâng cúng tổ tiên trong các dịp giỗ tết và lễ hội truyền thống có tác động củng cố ý thức đoàn kết cộng đồng (con cháu trong gia đình, dòng họ, thành viên trong cộng đồng làng xã, các công dân có cùng giống nòi trong quốc gia dân tộc).

- Nghi thức thờ cúng tổ tiên còn là cách thức mà những người đang sống bày tỏ lòng thành kính, biết ơn tổ tiên, tri ân những người có công với dân, với nước. Đó cũng là phương thức hoặc "cơ chế" tác động của tín ngưỡng thờ tổ tiên tới việc hình thành nhân cách của các thành viên trong cả cộng đồng.

Có thể nói, việc hình thành hệ thống các thiết chế gắn với tín ngưỡng thờ tổ tiên cùng các nghi thức thờ cúng thiêng liêng ở nhiều cấp độ (bàn thờ tổ tiên trong từng gia đình, nhà thờ tổ của từng dòng họ, đình thờ Thành hoàng ở các làng xã, đền thờ những người có công với dân ở vùng rộng lớn hay những nhân cách lớn của đất nước mà "vị anh hùng văn hóa" Hùng Vương là biểu tượng tiêu biểu) là một trong những biểu hiện cụ thể nhất của bản sắc văn hóa Việt Nam. Tín ngưỡng thờ tổ tiên đã thấm sâu vào tâm hồn từng cá nhân trong từng gia đình Việt từ hàng nghìn đời nay và trở thành "linh hồn" của đất Việt.

4.2- Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ là đỉnh cao được thăng hoa từ tín ngưỡng thờ tổ tiên của Việt Nam.

Khởi nguồn từ quan niệm "vạn vật hữu linh", cộng đồng cư dân ở vùng trung tâm tụ cư và phát triển của người Việt cổ (Bạch Hạc - vùng ngã ba sông Hồng - sông Lô - sông Đà, mà trung tâm là khu vực đền Hùng ngày nay) đã chọn núi Nghĩa Lĩnh - Đền Hùng làm nơi thực hành nghi thức tín ngưỡng thờ thần mặt trời, thần lúa và Sơn thần - "Đột ngột Cao Sơn". Cũng từ vùng đất cổ Phong Châu này (Phú Thọ ngày nay) dần hình thành truyền thuyết về nguồn gốc của người Việt cổ "cha Rồng, mẹ Tiên", mà Lạc Long Quân được coi là Quốc Tổ và Âu Cơ là Quốc Mẫu. Hùng Vương là

con trưởng trong số 100 người con được sinh ra từ "một bọc trăm trứng" ở lại Phong Châu thu phục lòng người, xưng vương, xây dựng kinh đô và dạy "dân Lạc Việt" khai khẩn đất hoang, cấy trồng lúa nước. Truyền thuyết nói trên đã xây dựng hình ảnh Hùng Vương với tư cách là anh hùng văn hóa - biểu tượng cho tinh thần đoàn kết cộng đồng, đạo lý uống nước nhớ nguồn, đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Ở khu vực xung quanh đền Hùng còn xuất hiện các truyền thuyết "Bánh chưng, bánh dày", "Sơn Tinh, Thủy Tinh", "Tiên Dung, Chử Đồng Tử" và "người Anh hùng thánh Gióng" đều gắn với "các vị vua" khai sáng quốc gia dân tộc, đặt nền móng cho công cuộc dựng nước và giữ nước.

Trong số 4 vị thánh tử bất tử (Tản Viên Sơn thánh, thánh Gióng, Chử Đồng Tử và Mẫu Liễu Hạnh) linh thiêng và tối cao nhất của hệ thống thần điện Việt Nam, có tới 3 vị thánh bất tử liên quan đến sự tích Hùng Vương. Điều đó chứng tỏ vai trò quan trọng của vùng đất Phong Châu cổ (Phú Thọ) trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Với xu hướng "huyền thoại hóa" các nhân vật lịch sử, các sự kiện lịch sử và ngược lại là "lịch sử hóa các nhân vật huyền thoại, các lực lượng siêu nhiên" trong văn hóa Việt Nam mà Hùng Vương đã từng bước trở thành "tổ tiên" rồi Thành hoàng làng được thờ cúng ở 49 làng thuộc 12 huyện, thị xã của tỉnh Phú Thọ mà đỉnh cao là đền thờ Hùng Vương trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh. Có lẽ phải đến các triều đại Lý - Trần, đặc biệt thời hậu Lê và Nguyễn, xuất phát từ nhu cầu quy tụ lòng người, cố kết cộng đồng quốc gia dân tộc mà triều đình phong kiến đã có sắc phong cho các đình đền thờ Hùng Vương, pháp điển hóa các nghi thức thờ cúng và cấp ruộng đất cho dân các làng xã xung quanh đền Hùng canh tác lấy hoa lợi để coi sóc đền thờ, thực hành nghi lễ thờ cúng Hùng Vương từ quy mô làng xã của một tỉnh thành quốc giỗ với nghi thức quốc gia. Ý chí của người đứng đầu các vương triều phù hợp với lòng dân, đáp ứng đúng nhu cầu lịch sử đặt ra nên có được sự đồng thuận lớn trong xã hội. Theo đó, Hùng Vương nghiễm nhiên trở thành vị "Tổ khai sáng" và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương cũng trở thành đỉnh cao của tín ngưỡng thờ tổ tiên - một biểu tượng văn hóa được người dân ở khắp mọi miền đất nước tin theo, hưởng ứng ngày giỗ Tổ mừng 10 tháng 3 Âm lịch hàng năm.



"Người anh hùng văn hóa" Hùng Vương bước ra từ huyền thoại và truyền thuyết dân gian nhưng không phải là từ "côi hư vô". Bởi vì, huyền thoại, truyền thuyết là "hồi quang" của lịch sử, không phải là hiện thực lịch sử mà là bóng dáng của lịch sử, chúng chứa đựng trong đó những hạt nhân lịch sử đúng như nhận xét của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng: "Những truyền thuyết dân gian thường có một cái lõi là sự thật lịch sử mà nhân dân qua nhiều thế hệ đã lý tưởng hóa, gửi gắm vào đó tâm tình tha thiết của mình cùng với thơ và mộng, chấp đôi cánh của trí tưởng tượng và nghệ thuật dân gian làm nên những sáng tác văn hóa mà đời đời con người ưa thích"<sup>6</sup>.

Sự thật là, từ những gợi mở trong truyền thuyết về Hùng Vương, các nhà khoa học Việt Nam đã phát hiện ra hàng loạt các di chỉ khảo cổ học gắn với "văn hóa Đông Sơn" rực rỡ (Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun, Đông Sơn) ở ngay trên địa bàn cư trú của người Việt cổ xung quanh khu vực đền Hùng. Những phát hiện khảo cổ quan trọng về thời kỳ Hùng Vương dựng nước có được đúng vào thời điểm cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước đang diễn ra vô cùng khốc liệt, đã trở thành nguồn động viên lớn lao và chỗ dựa tinh thần cho cả dân tộc vững bước đi lên. Đó cũng là nhân tố quan trọng làm cho tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ngày càng sâu đậm trong tâm thức của cả cộng đồng quốc gia, dân tộc và được lan tỏa rộng ra khắp mọi vùng miền của đất nước.

#### 5- Tạm kết:

Tín ngưỡng chỉ đứng vững trong đời sống xã hội khi nó được bắt rễ vào đức tin của cộng đồng về sức mạnh của các lực lượng siêu nhiên, về khả năng bảo hộ và hướng dẫn tâm linh cho những người đang sống cũng như khả năng đáp ứng những mong ước, sự cầu nguyện chân thành của họ. Và, đức tin của cộng đồng cần được củng cố và khẳng định qua những trải nghiệm tâm linh cũng như trải nghiệm lịch sử thật cụ thể và đầy sức thuyết phục. Những trải nghiệm tâm linh

cũng như lịch sử mà đất nước chúng ta chiêm nghiệm hàng ngàn năm qua chứng tỏ tín ngưỡng thờ tổ tiên của người Việt thật là linh diệu. Tín ngưỡng đó đã đóng vai trò cực kỳ quan trọng vào việc hun đúc phẩm chất và bản lĩnh văn hóa Việt Nam cũng như bồi đắp hệ giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, trong đó tiêu biểu nhất là chủ nghĩa yêu nước, ý thức tự cường dân tộc của người Việt Nam. Đó cũng chính là di sản văn hóa phi vật thể vô cùng quý giá mà chúng ta phải quý trọng giữ gìn và truyền lại cho muôn đời con cháu mai sau.

Người Việt tin theo nhiều tôn giáo, nhưng trong mỗi gia đình Việt, dù là theo Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin lành, đạo Cao Đài hay Hòa Hảo..., bao giờ cũng có một "góc thiêng" thờ cúng tổ tiên. Cũng như vậy, Hùng Vương từ một "anh hùng văn hóa" trong truyền thuyết đã bước vào cuộc đời thực của người Việt Nam với tư cách là một biểu tượng tối linh được ngưỡng mộ và thờ cúng, tôn vinh trong tâm thức dân tộc. Đó là hiện tượng văn hóa độc đáo ít thấy ở các quốc gia khác trên thế giới. Do đó, chúng ta có thể khẳng định, tín ngưỡng thờ tổ tiên của người Việt mà sự thăng hoa và biểu tượng văn hóa của nó là tín ngưỡng thờ Hùng Vương phải được tôn vinh với tư cách là một nhân tố biểu hiện của bản sắc văn hóa dân tộc. ▣

D.V.B

#### Chú thích:

- 1- Trích lại từ Thu Linh - Đặng Văn Lung, *Lễ hội truyền thống và hiện đại*, 1984, Hà Nội, tr. 42.
- 2- GS.TS. Ngô Đức Thịnh chủ biên, *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*, 2010, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 57.
- 3- GS.TS. Ngô Đức Thịnh chủ biên, *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam*, 2010, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 131.
- 4- Nguồn tài liệu Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*.
- 5- Phạm Quỳnh, *Tục thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam (Tiểu luận)*, 2007, Nxb. Trí thức, Hà Nội, tr. 122.
- 6- Phạm Văn Đồng, "Nhân ngày giỗ tổ Hùng Vương", *Báo Nhân dân* ngày 29 tháng 4 năm 1969.

#### Đặng Văn Bài: The Worship of Hùng Kings With the Formation of National Identity

Cultural heritage elements show that folk belief has wonderfully combined with culture, politics in different regimes to sublimate to be the worship of Hùng kings in the long road of history. It is a beautiful expression of the awareness on the national origin and independent spirit of Vietnamese.